

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2023/DS-ST.

Ngày: 10-8-2023

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
cho thuê tài chính*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

2. Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thuý An - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 tháng 7 và ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 266/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp về hợp đồng cho thuê tài chính, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2023/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 6 năm 2023.

Nguyên đơn: Công T TNHH MTVCTTC Ngân hàng AC

Địa chỉ: CMT 8, phường 11, quận 3, tp HCM

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Tâm – Chức vụ: Tổng giám đốc (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Lê Tường A – Chức vụ: Nhân viên xử lý nợ (có đơn xin vắng ngày 17/7/2023 và có mặt ngày 10/8/2023)

Bị đơn: Ông Danh Ch, sinh năm: 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp HA B, xã NH, huyện GR, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, người đại diện theo uỷ quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng A C, ông Bùi Lê Tường A trình bày: Ngày 01 tháng 8 năm 2019 giữa ACBL và ông Danh Ch có thỏa thuận ký kết hợp đồng cho thuê tài chính số 11.0719/HĐCTTC – DC, tài sản cho thuê là 04 chiếc xe ô tô tải có mui hiệu Isuzu, Model: QKR77FE4, xuất xứ Việt Nam, năm sản xuất 2019, tình trạng mới 100%, giá trị tài sản cho thuê là 1.860.000.000 đồng, số tiền cho thuê là 1.564.000.000 đồng, số tiền ký cược là

92.000.000 đồng. Sau khi ký kết hợp đồng cho thuê tài chính, phía ACBL đã giải ngân cho ông Danh Ch hai xe ô tô tải: xe thứ 1, số khung là R77fKV 101901, số máy 3Y8975, biển kiểm soát 68C -111.01 số tiền giải ngân là 421.076.200 đồng thể hiện tại khế ước nhận nợ số 01-11.0719/HĐTCTC-DC ngày 01/8/2019 và xe thứ 2, số khung: R77FKV101902, số máy 3Y8963, biển kiểm soát số 68C -110.08 với số tiền giải ngân là 421.076.200 tại khế ước nhận nợ số 02- 11.0719/HĐTCTC-DC ngày 19/8/2019, lãi suất trong hạn thỏa thuận là 9,5% (03 tháng đầu tiên); từ tháng thứ 04 trở đi, lãi suất cho thuê thay đổi định kỳ 03 tháng/01 lần theo công thức $LS13T+4\%/năm$, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn thuê là 60 tháng, phương thức thanh toán gốc và lãi trả định kỳ hàng tháng. Nhưng quá trình thực hiện hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên, phía ông Danh Ch đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê nên phía ACBL không tiếp tục giải ngân các xe còn lại. ACBL đã nhiều lần liên hệ ông Ch qua điện thoại nhưng không liên lạc được và cố tình trốn tránh không có mặt tại nơi cư trú. Xét thấy, quyền và lợi ích hợp pháp của ACBL bị xâm phạm nên ACBL khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính số 11.0719/HĐCTTC – DC giữa ACBL và ông Danh Ch ký kết ngày 01/8/2019. Buộc ông Danh Ch trả cho ACBL tổng số tiền thuê còn nợ là 1.331.928.693 đồng gồm nợ gốc là 805.134.463 đồng, nợ lãi trong hạn là 352.286.567 đồng, nợ lãi quá hạn là 59.941.745 đồng, lãi chậm trả là 114.565.918 đồng tạm tính đến ngày 10/8/2023. Ngoài ra, ông Danh Ch còn phải trả cho ACBL khoản tiền lãi phát sinh sau ngày 10/8/2023 theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận tại các khế ước nhận nợ số 01- 11.0719/HĐTCTC – DC và khế ước nhận nợ số 02 - 11.0719/HĐTCTC –DC cho đến khi ông Danh Ch thanh toán xong các khoản nợ trên. Trường hợp, ông Danh Ch không trả số nợ trên thì ông Ch phải giao trả lại cho ACBL toàn bộ tài sản cho thuê là 02 xe ô tô tải có mui hiệu Isuzu để ACBL xử lý thu hồi nợ theo quy định. Nếu số tiền thu được từ việc thanh lý tài sản cho thuê không đủ để thanh toán toàn bộ số nợ của ông Danh Ch và các chi phí phát sinh liên quan thu hồi xử lý tài sản cho thuê, thì ông Danh Ch phải tiếp tục thanh toán số nợ còn thiếu cho ACBL cho đến khi trả xong nợ.

Bị đơn ông Danh Ch không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng A C.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng đối với vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong vụ án được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự quy định. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng A C khởi kiện yêu cầu ông Danh Ch trả tiền gốc và lãi tổng cộng 1.331.928.693 đồng tạm tính đến ngày xét xử và khoản lãi phát sinh theo hợp đồng cho thuê tài chính đã thỏa thuận ký kết sau ngày xét xử cho đến khi thanh toán hết nợ; Ông Danh Ch phải trả lại cho ACBL toàn bộ tài sản cho thuê để ACBL xử lý tài sản theo quy định; nếu số tiền thu được không đủ để thanh toán toàn bộ nợ và các chi phí phát sinh liên

quan đến việc thu hồi, xử lý thì ông Ch phải tiếp tục thanh toán số nợ còn thiếu cho ACBL.

Căn cứ hợp đồng cho thuê tài chính số 11.0719/HĐCTTC-DC ngày 01/8/2019, khế ước nhận nợ số 01-11.0719/HĐCTTC-DC ngày 01/8/2019 và khế ước nhận nợ 02-11.0719/HĐCTTC-DC ngày 19/8/2019: Tài sản cho thuê là 02 ô tô tải có mui hiệu Isuzu: Model xe QKR77FE4, xuất xứ Việt Nam, sản xuất 2019, mới 100%; Số tiền giải ngân lần 01 vào ngày 05/8/2019 là 421.076.200 đồng, lần 02 vào ngày 21/8/2019 là 421.076.200 đồng, số tiền ký cược ông Danh Ch đã nộp là 46.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, ông Danh Ch đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng nên phía ACBL đã trích số tiền ký cược 42.138.615 đồng trừ vào khoản tiền gốc ông Chêl nợ. Như vậy tổng tiền nợ gốc ông Ch còn nợ là 805.134.463 đồng, lãi trong hạn 352.286.567 đồng, lãi quá hạn 59.941.745 đồng, lãi chậm trả 114.565.918 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 1.331.928.693 đồng (tạm tính đến ngày 10/8/2023). Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của ACBL có yêu cầu được quyền tiếp tục cản trừ số tiền ký cược còn lại của ông Ch là 3.917.032 đồng vào số nợ gốc. Xét thấy hợp đồng giữa các bên ký kết là hợp pháp, ông Danh Ch, rời khỏi địa phương nơi cư trú mà không thông báo cho Công ty biết về nơi cư trú mới và không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, nên đối với việc vắng mặt trên của ông Ch là cố tình giấu địa chỉ. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đã thực hiện việc cấp tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật cho ông Ch nhưng không thực hiện được nên đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án tại nơi cư trú của ông Ch theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến ngày mở phiên Tòa xét xử, ông Ch không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp nên xem như ông Ch đã mặc nhiên thừa nhận khoản nợ vay trên.

Vì vậy, căn cứ vào Điều 117, Điều 118, Điều 119 của Bộ luật Dân sự 2015, Điều 4, Điều 91 và Điều 131 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng A C đối với bị đơn ông Danh Ch.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị buộc ông Ch nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Công T TNHH MTVCTTC Ngan hàng AC khởi kiện ông Danh Ch buộc thực hiện nghĩa vụ trả tiền thuê tài chính theo hợp đồng đã ký kết nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và ông Danh Ch có địa chỉ cư trú tại huyện Giồng Riềng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39 của

Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Ông Danh Ch với tư cách là bị đơn trong vụ kiện đã được Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng ông Ch đã vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án tiến hành niêm yết công khai các thủ tục tố tụng trên theo quy định của pháp luật và thực hiện thủ tục đăng tin thông báo cho ông Ch biết để tham gia phiên Tòa xét xử nhưng ông Danh Ch vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt ông Danh Ch là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự .

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ACBL về việc: Chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính số 11.0719/HĐCTTC – DC giữa ACBL và ông Danh Ch ký kết ngày 01/8/2019, buộc ông Danh Ch trả cho ACBL tổng số tiền thuê còn nợ là 1.331.928.693 đồng gồm nợ gốc là 805.134.463 đồng, nợ lãi trong hạn là 352.286.567 đồng, nợ lãi quá hạn là 59.941.745 đồng, lãi chậm trả là 114.565.918 đồng, tạm tính đến ngày 10/8/2023. Ngoài ra, ông Danh Ch còn phải trả cho ACBL khoản tiền lãi phát sinh sau ngày 10/8/2023 theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận tại các khế ước nhận nợ số 01-11.0719/HĐTCTC –DC và khế ước nhận nợ số 02 - 11.0719/HĐTCTC –DC cho đến khi ông Danh Ch thanh toán xong các khoản nợ trên. Trường hợp, ông Danh Ch không thực hiện được việc trả số nợ trên thì ông Ch phải giao trả lại cho ACBL toàn bộ tài sản cho thuê là 02 xe ô tô tải có mui hiệu Isuzu để ACBL xử lý thu hồi nợ theo quy định. Nếu số tiền thu được từ việc thanh lý tài sản cho thuê không đủ để thanh toán toàn bộ số nợ của ông Danh Ch và các chi phí phát sinh liên quan thu hồi xử lý tài sản cho thuê, thì ông Danh Ch phải tiếp tục thanh toán số nợ còn thiếu cho ACBL. Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của ACBL yêu cầu ACBL được quyền tiếp tục cản trừ số tiền ký cược còn lại của ông Danh Ch là 3.927.032 đồng vào khoản nợ gốc ông Ch phải trả.

Để chứng minh cho các yêu cầu khởi kiện trên, phía ACBL đã cung cấp các tài liệu chứng cứ: Hợp đồng cho thuê tài chính số 11.0719/HĐCTTC-DC ngày 01/8/2019, khế ước nhận nợ số 01-11.0719/HĐMCTTTC-DC ngày 01/8/2019, khế ước nhận nợ số 02-11.0719/HĐMCTTTC-DC ngày 19/8/2019, biên bản bàn giao ngày 05/8/2019, biên bản bàn giao ngày 19/8/2019, biện pháp đảm bảo theo văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, bản kê chi tiết tính lãi phải trả, bản sao kê số tiền ký cược ông Danh Ch đã nộp cản trừ qua các lần giao dịch. Tính từ ngày 05/8/2023, ông Danh Ch đã vi phạm nghĩa trả nợ đối với tiền gốc là 421.076.200 đồng và vi phạm nghĩa vụ trả nợ của số tiền 842.152.400 đồng từ ngày 21/8/2019. Phía ACBL cũng đã thông báo nhắc nhở cho ông Danh Ch biết qua số điện thoại của ông Ch đã cung cấp và yêu cầu ông Danh Ch thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thuê theo thỏa thuận nhưng ACBL không liên lạc được và ông Danh Ch đã rời khỏi địa phương nơi cư trú mà không thông báo cho ACBL biết về nơi cư trú mới nên đối với việc vắng mặt trên của ông Ch là cố tình giấu địa chỉ. Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến ngày mở phiên Tòa xét xử, ông Danh Ch không có giao nộp văn bản thể hiện

ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ACBL. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Danh Ch không có ý kiến phản đối nào đối với yêu cầu khởi kiện của ACBL cũng như chứng cứ do ACBL cung cấp nên xem như ông Danh Ch đã mặc nhiên thừa nhận.

[2.2] Xét thấy hợp đồng cho thuê tài chính số 11.0719/HĐCTTC-DC được ký kết ngày 01/8/2019 giữa các bên trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật và trái đạo đức xã hội. Hình thức của hợp đồng đảm bảo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định, việc thỏa thuận các điều khoản trong hợp đồng phù hợp với các quy định tại Điều 91, Điều 95, Điều 112 và Điều 113 của Luật Các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên hợp đồng cho thuê tài chính trên được xem là hợp pháp. Theo các tài liệu chứng cứ phía ACBL cung cấp thể hiện khoản tiền gốc mà ông Danh Ch đã nhận từ hai khế ước nhận nợ với số tiền là 842.152.400 đồng. Tại thời điểm giải ngân là vào ngày 05/8/2019 đối với số tiền 421.076.200 đồng theo khế ước nhận nợ số 01-11.0719/HĐTCTC –DC và ngày giải ngân lần 2 là ngày 19/8/2019 với số tiền là 421.076.200 đồng của khế ước nhận nợ số 02 - 11.0719/HĐTCTC –DC. Tại hợp đồng cho thuê tài chính đã ký kết thể hiện phương thức thanh toán định kỳ gốc và lãi hàng tháng nhưng phía ông Ch đã vi phạm nghĩa vụ tại thời điểm giải ngân số tiền gốc trên. Do ông Ch vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phía ACBL đã khấu trừ một phần số tiền ký cược là biện pháp bảo đảm tiền thuê mà ông Ch đã nộp là 42.138.615 đồng vào số nợ gốc phải trả. Vì vậy, ACBL yêu cầu chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính số 11.0719/HĐCTTC-DC được ký kết ngày 01/8/2019 với ông Danh Ch và buộc ông Danh Ch trả số nợ gốc là 805,134,463 đồng, nợ lãi trong hạn là 352.286.567 đồng, nợ lãi quá hạn là 59.941.745 đồng, lãi chậm trả là 114.565.918 đồng tạm tính đến ngày 10/8/2023 là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 11, Điều 472, Điều 473, 474,, 477,481, 482 của Bộ luật dân sự năm 2015. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện trên của ACBL. Ngoài ra, ACBL được quyền tiếp tục khấu trừ số tiền ký cược còn lại mà ông Danh Ch đã nộp là 3.937.032 đồng vào số nợ gốc mà ông Danh Ch phải trả

[2.3] Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Danh Ch còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn đã được các bên thỏa thuận tại khế ước nhận nợ số 01-11.0719/HĐTCTC –DC ký kết ngày 01/8/2019 và khế ước nhận nợ số 02 - 11.0719/HĐTCTC –DC ngày 19/8/2019.

[2.4] Đối với yêu cầu khởi kiện của ACBL, trong trường hợp ông Ch không có khả năng trả số nợ trên thì buộc ông Danh Ch phải giao trả lại cho ACBL toàn bộ tài sản cho thuê tài chính là hai xe ô tô tải có mui hiệu Isuzu, Model: QKR77FE4, xuất xứ Việt Nam, năm sản xuất 2019. Xe thứ 1 số khung là R77fKV 101901, số máy 3Y8975, biển kiểm soát 68C -111.01 và xe thứ 2: số khung: R77FKV101902, số máy 3Y8963, kiểm kiểm soát số 68C -110.08 để ACBL xử lý nợ theo quy định. Trường hợp nếu việc xử lý tài sản cho thuê thu được không đủ để thanh toán toàn bộ

số nợ trên cho ACBL và các chi phí phát sinh liên quan đến việc thu hồi, xử lý tài sản cho thuê tài chính thì buộc ông Danh Ch phải tiếp tục thanh toán số nợ còn thiếu cho ACBL cho đến khi trả xong nợ.

[3] Về án phí và chi phí khác có liên quan đến vụ án:

[3.1] Về án phí : Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; điểm d, tiểu mục 1.3, mục 1, phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14;

Do yêu cầu của ACBL được chấp nhận nên buộc ông Danh Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 1.331.928.693 đồng = 36.000.000 đồng + (3% x 531.928.693 đồng) = 51.957.860 đồng (Làm tròn 51.958.000 đồng).

Hoàn trả lại cho ACBL tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 22.700.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003233 ngày 16/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

[3.2] Về chi phí liên quan: Chi phí thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với ông Danh Ch với số tiền là 3.000.000 đồng đồng theo các hóa đơn số 00001261 ngày 28 tháng 6 năm 2023 của báo Công Lý và hoá đơn số 276 ngày 16/6/2023 của Chi nhánh trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông tại Thành phố Hồ Chí Minh do ACBL yêu cầu nên ACBL phải chịu và đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 11; Điều 472; Điều 473, Điều 474, Điều 476, của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 93 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

1. Chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng A C.

Buộc ông Danh Ch giao trả khoản tiền thuê tài chính vốn gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 10/8/2023 là 1.331.928.693 đồng (một tỷ, ba trăm ba mươi một triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn, sáu trăm chín mươi ba đồng). Trong đó: vốn gốc là 805.134.463 đồng (tám trăm linh năm triệu, một trăm ba mươi bốn nghìn, bốn trăm sáu mươi ba đồng), tiền lãi là 526.794.230 đồng (năm trăm hai mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi bốn nghìn, hai trăm ba mươi đồng).

Công T TNHH MTVCTTC Ngân hàng AC được quyền tiếp tục khấu trừ số tiền ký cược còn lại mà ông Danh Ch đã nộp là 3.937.032 đồng (ba triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn, không trăm ba mươi hai đồng) vào số nợ gốc buộc ông Danh Ch phải trả.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Danh Ch còn phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn đã được các bên thỏa thuận

tại các khế ước nhận nợ số 01-11.0719/HĐTCTC– DC ngày 01/8/2019 và khế ước nhận nợ số 02 - 11.0719/HĐTCTC – DC ngày 19/8/2019.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, ông Danh Ch không trả số nợ trên thì buộc ông Danh Ch phải giao trả lại cho Công T TNHH MTVCTTC Ngân hàng AC toàn bộ tài sản cho thuê tài chính là hai xe ô tô tải có mui hiệu Isuzu, Model: QKR77FE4, xuất xứ Việt Nam, năm sản xuất 2019. Xe thứ 1 số khung là R77FKV 101901, số máy 3Y8975, biển kiểm soát 68C -111.01 và xe thứ 2: số khung: R77FKV101902, số máy 3Y8963, biển kiểm soát số 68C -110.08 để Công T TNHH MTVCTTC Ngân hàng AC xử lý nợ theo quy định. Trường hợp nếu việc xử lý tài sản cho thuê thu được không đủ để thanh toán toàn bộ số nợ trên cho Công T TNHH MTVCTTC Ngân hàng AC và các chi phí phát sinh liên quan đến thu hồi, xử lý tài sản cho thuê tài chính thì buộc ông Danh Ch phải tiếp tục thanh toán số nợ còn thiếu cho Công T TNHH MTVCTTC Ngân hàng AC cho đến khi trả xong nợ.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm) ngày; Đương sự có mặt được tính kể từ ngày tuyên án (Ngày 10-8-2023); Đương sự vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc án bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Cẩm Hương